

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/DS-PT
Ngày 09 - 8 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và chia thừa kế quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2018/QĐ - PT ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1966, có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1943, có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951, có mặt.

Địa chỉ: ấp E, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1937, có mặt.
2. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1939, có mặt.
3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1947, có đơn xin vắng mặt ngày 08/8/2018.
4. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1963, có đơn xin vắng mặt ngày 08/8/2018.

Cùng địa chỉ: ấp E, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1944, có mặt.

Địa chỉ: ấp F, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1946, có mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

7. Ông Nguyễn Mười H, sinh năm 1960, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 51/8/19 đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

8. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1998, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

10. Ông Võ Sơn K, sinh năm 1974, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch G.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Bà Bùi Thị Y – Chức vụ: Phó giám đốc kiêm Giám đốc Phòng giao dịch G.

12. Ủy ban nhân dân huyện C, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C là ông Nguyễn Văn D – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D là ông Trần Huỳnh N – Chức vụ: Phó phòng tài nguyên và môi trường huyện C, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2018)

Người kháng cáo:

Nguyên đơn Nguyễn Văn U.

Viện kiểm sát kháng nghị:

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2008 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Nguyên cha của ông là cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1915 (Chết ngày 10 tháng 10 năm 2001) và mẹ là cụ Trần Thị T, sinh năm 1916 (Chết ngày 27 tháng 01 năm 2003) có 10 người con gồm: Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Mười H, Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn U. Khi còn sống cha mẹ có cho ông Nguyễn Văn N1 07 công ruộng, ông Nguyễn Văn N2 04 công ruộng, bà Nguyễn Thị H1 cho ruộng và vườn thuộc ấp A, xã D, Nguyễn Văn T 04 công ruộng, Nguyễn Văn S 03 công ruộng, Nguyễn Mười H 2850 m² ruộng và Nguyễn Ngọc T 04 công ruộng. Riêng ông Nguyễn Văn U là con út sinh sống chung với cha mẹ nên phần đất diện tích 7260 m² gồm 02 thửa: Thửa 2495 (thửa mới 28), diện tích 2320 m² và thửa 2496 (thửa mới 27), diện tích 5940 m² do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 01 tháng 11 năm 1991. Ngày 08 tháng 8 năm 1999 cụ Đ lập di chúc, ngày 15 tháng 11 năm 2002 cụ T lập di chúc để lại cho ông U 02 thửa đất nêu trên. Ngày 22 tháng 12 năm 2005 ông U được Ủy ban nhân dân huyện C và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C làm thủ tục đứng tên 7260 m² đất nêu trên (mặt 4, quyền sử dụng đất số A 765793). Hiện ông U canh tác 5200 m². Sau khi cụ T chết, bà H1 lấn chiếm khoảng 1200 m², ông T lấn chiếm khoảng 800 m² thuộc chiết thửa 2496 (thửa mới 27).

Nay ông U yêu cầu bà H1 trả 371,1 m², ông Tám trả 797,7 m² là phần đất mà bà H1 và ông T đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc ngày 18 tháng 5 năm 2010 thuộc chiết thửa 2496 (Thửa mới 27).

Ông U không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông T, bà H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì lý do đất này là của cụ Đ và cụ T chết để lại riêng cho ông U nên ông U được quyền thừa kế tài sản và tài sản này ông U đã kê khai đứng tên hợp pháp (Theo chính lý mặt 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22 tháng 12 năm 2005 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C).

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2009; đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 12 năm 2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1; ông Nguyễn Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Mười H, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Về quan hệ nhân thân ông U trình bày là đúng. Vào ngày 20 tháng 02 năm 1995, cụ Đ có bán cho bà H1 phần đất 407.75 m² giá 1,5 chỉ vàng 24 kara. Khi bà H1 tiếp tục mua đất của ông Mười H thì cụ Đ cho bà H1 phân nửa kinh cặp đất của ông Mười H cho tiện thoát nước thuộc thửa đất số 2496. Từ khi cụ Đ chết đến nay do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông U giữ nên không làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất được. Nay bà H1 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông U. Bà H1

nhận thấy việc mua bán tặng cho đất chưa làm thủ tục hợp lệ nên bà H1 đồng ý nhập phần đất tranh chấp vào phần đất của cha mẹ. Bà H1 yêu cầu hủy Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp quyền sử dụng đất cho ông U đối với các thửa đất số 27, 28; Yêu cầu vô hiệu các Tờ di chúc của cụ Đ lập ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Tờ di chúc của cụ T lập ngày 15 tháng 11 năm 2002 về việc cho đất ông U và yêu cầu chia thừa kế cho các anh chị em theo quy định của pháp luật. Chia cho ông U phần đất diện tích 1000 m² gắn liền căn nhà của ông U, phần đất còn lại của thửa 27 và thửa 28 chia đều cho các anh chị em mỗi người một phần, vị trí đất yêu cầu chia chung sau này các anh chị em tự phân chia vị trí.

Đến các ngày 10/9/2017; ngày 11/9/2017; ngày 12/9/2017; ngày 13/9/2017 và ngày 20/9/2017 bà H1, ông T, bà H2, ông N1, bà M, ông N2 và ông Mười H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Các ông bà rút lại phần yêu cầu hủy quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp quyền sử dụng đất cho ông U đối với các thửa đất số 27 và 28.

Tại tờ tường trình ngày 19 tháng 8 năm 2008 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Về phần di chúc của cha cho em U, có đọc lại cho ông T nghe và có ký tên. Phần di chúc của mẹ cho em U có 02 nhân chứng là Phan Thế Q và Nguyễn Văn T. Phần đất vườn mẹ cho anh T ông T không biết, việc sang nhượng đất cho bà H1 ông có ký tên, giao vàng và việc cho đất thì ông không biết. Ông T không có tranh chấp gì về số đất vườn cha mẹ cho ông U, vì ông U đã nuôi cha mẹ và chăm sóc vườn. Trường hợp xác định đất tranh chấp là di sản thừa kế thì ông không có yêu cầu được hưởng.

Tại tờ tường trình ngày 19 tháng 8 năm 2008 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày: Về phần di chúc của cha lập xong rồi đem cho ông ký, khi đó ông N1 chưa ký, ông S có yêu cầu ông U đem cho ông N1 ký để sau này khỏi tranh chấp. Phần di chúc của mẹ cho đất em U ông U có kêu ông S đến nhà ký, Phan Thế Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc T, Trương Minh D (phó ấp) ký. Phần đất vườn mẹ cho anh T và phần đất cha bán cho bà H, ông S không biết. Về phần đất vườn mẹ cho ông U ông S không tranh chấp. Trường hợp xác định đất tranh chấp là di sản thừa kế thì ông không có yêu cầu được hưởng.

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Bùi Thị Y là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày: Vào ngày 23 tháng 3 năm 2010, Phòng giao dịch G – Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam huyện C, tỉnh Vĩnh Long có ký hợp đồng tín dụng số 7302 LAV 201002178 với ông U và bà L để cho ông U và bà L vay số tiền 22.000.000 đồng, mục đích vay là để chăn nuôi, chăm sóc ruộng vườn, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 12% năm. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất của ông U, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A765793, diện tích 7260 m², cấp ngày

07 tháng 11 năm 1991, nhưng không có lập hợp đồng thế chấp. Do ông U và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu ông U và bà L trả số tiền vốn là 22.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15 tháng 8 năm 2016 là 24.156.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 46.156.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông U và bà L còn phải tiếp tục trả tiền lãi, với mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7302 LAV 201002178 ký ngày 23 tháng 3 năm 2010, kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2016 đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông U và bà L không trả được nợ thì yêu cầu được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông U, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A765793, diện tích 7260 m², cấp ngày 07 tháng 11 năm 1991 để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu của ngân hàng, ông U và bà L thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng để vay tiền của ngân hàng. Tuy nhiên, ông U cho rằng do ông Sơn K là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện C đã giữ 02 tờ di chúc của ông và để ông có tiền chi phí khiếu nại lên Lãnh đạo cấp trên xem xét và giải quyết lại vụ án nên ông mới vay tiền ngân hàng. Vì vậy, ông U yêu cầu ông Sơn K phải trả lại ông 02 tờ di chúc và ông Sơn K có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Việc ngân hàng đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông thì ông không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28 tháng 8 năm 2017, ông Võ Sơn K trình bày: Ông không có giữ 02 tờ di chúc của ông U và ông cũng không làm gì gây thiệt hại cho ông U nên ông không đồng ý theo yêu cầu của ông U.

Về tài sản gắn liền trên đất các đương sự thống nhất ai được quyền sử dụng đất đến đâu thì được quyền sử dụng tài sản gắn liền trên đất đến đó và về giá đất các đương sự thống nhất lấy giá quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại thời điểm xét xử vụ án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2011/DSST ngày 08 tháng 7 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xử không chấp nhận yêu cầu của ông Út về việc yêu cầu bà H1 và ông T trả đất. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 21/2012/DSPT ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã hủy bản án sơ thẩm với lý do: Việc Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết hai quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất trong cùng một vụ án này là chưa phù hợp pháp luật. Ngoài ra, chưa có ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U là không đúng và ý kiến về xử lý sai của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào; diện tích đo đạc thực tế bằng 5826,6 m², so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giảm 1433,4 m² chưa biết nguyên nhân, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2017/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xử, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 157 và Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471; 474; 478; 634; 642; 645; 674; 675, 676 và Điều 685 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định số: 70/CP ngày 12 tháng 6 năm 1997 của Chính Phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn U về việc ông Nguyễn Văn U yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả 797,7 m² đất và bà Nguyễn Thị H1 trả 371,1 m² đất thuộc thửa đất số 27 (thửa cũ 2496) tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp E, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long, đất do cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Mười H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Màu và bà Nguyễn Thị H2.

2.1 Chia cho ông Nguyễn Văn U 1000 m² đất thuộc các thửa đất số 27 (thửa cũ 2496) và thửa đất số 28 (thửa cũ 2495) tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp E, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long theo các mốc 29, 30, 31, 32, 33, 29 theo sơ đồ phân chia kèm theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

2.2 Chia cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Mười H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H2 4826,6 m² đất thuộc các thửa đất số 27 (thửa cũ 2496) và thửa đất số 28 (thửa cũ 2495) tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp E, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long theo các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 31, 30, 29, 33, 32, 18, 1 theo sơ đồ phân chia kèm theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

(Kèm theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C).

Các đương sự được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản gắn liền trên phần diện tích đất được chia.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

3.1 Buộc ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 46.156.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng); trong đó tiền vốn

gốc là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) và tiền lãi là 24.156.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2016, ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn U, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A765793, diện tích 7260 m², cấp ngày 07 tháng 11 năm 1991 để thu hồi nợ.

Dành cho ông Nguyễn Văn U một vụ kiện dân sự khác để giải quyết việc Phòng giao dịch G - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Vĩnh Long giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/11/2017 nguyên đơn Nguyễn Văn U kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm buộc ông Võ Sơn K trả lại bản gốc 02 tờ di chúc và công nhận cho ông được thừa kế theo di chúc mà cha mẹ ông đã để lại và xử lý hành chính vi phạm của ông Sơn K theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định kháng nghị số 121/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm buộc ông Võ Sơn K trả lại bản gốc 02 tờ di chúc và công nhận cho ông được thừa kế theo di chúc mà cha mẹ ông đã để lại và xử lý hành chính vi phạm của ông Sơn K theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và lý do kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn U; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị hủy bản án sơ thẩm, vì cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và giải quyết chưa triệt để hết nội dung vụ án.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn Nguyễn Văn U được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn U là còn trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí đầy đủ, Viện kiểm sát kháng nghị trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn U yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm buộc ông Võ Sơn K trả lại bản gốc 02 tờ di chúc và công nhận cho ông được thừa kế theo di chúc mà cha mẹ ông đã để lại và xử lý hành chính vi phạm của ông Sơn K theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Văn U có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là biên bản của Ủy ban nhân dân xã D lập ngày 16/4/2011 với nội dung là ông Nguyễn Văn Bé H Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D giữ hai tờ di chúc bản gốc của ông Nguyễn Văn U. Trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện cấp sơ thẩm cũng có thu thập chứng cứ này, nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ đánh giá chứng cứ này ra sao là còn thiếu sót.

[3] Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2009; đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 12 năm 2015 (là đơn phản tố) của ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Mười H, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H yêu cầu: Hủy Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp quyền sử dụng đất cho ông U đối với các thửa đất số 27, 28; Yêu cầu vô hiệu các Tờ di chúc của cụ Đ lập ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Tờ di chúc của cụ T lập ngày 15 tháng 11 năm 2002 về việc cho đất ông U và yêu cầu chia thừa kế cho các anh chị em theo quy định của pháp luật. Chia cho ông U phần đất diện tích 1000 m² gắn liền căn nhà của ông U, phần đất còn lại của thửa 27 và thửa 28 chia đều cho các anh chị em mỗi người một phần, vị trí đất yêu cầu chia chung sau này các anh chị em tự phân chia vị trí. Đến các ngày 10/9/2017; ngày 11/9/2017; ngày 12/9/2017; ngày 13/9/2017 và ngày 20/9/2017 bà H1, ông T, bà H2, ông N1, bà M, ông N2 và ông Mười H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Các ông bà rút lại phần yêu cầu hủy quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp quyền sử dụng đất cho ông U đối với các thửa đất số 27 và 28. Căn cứ vào Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự khi các bị đơn bà H1, ông T và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H2, ông N1, bà M, ông N2 và ông

Mười H rút một phần yêu cầu đơn phản tố thì Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu trên, nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ việc các bị đơn H1, T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N1, N2, M, H2, Hai do rút lại một phần yêu cầu phản tố là không đúng quy định pháp luật.

[4] Tại Công văn số: 500/UBND-NC ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định: *Việc đăng ký kê khai thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn U chưa đầy đủ theo quy định về trình tự, thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất, với lý do: Tờ di chúc của bà T giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn U không đúng quy định, vì bà T không dùng tên quyền sử dụng đất và tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn U không được đầy đủ những người được hưởng thừa kế xác nhận giao quyền sử dụng đất cho ông Út.* Tại Công văn số: 565/UBND-NC ngày 24 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định: *Ủy ban nhân dân huyện sẽ thi hành bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án mà Ủy ban nhân dân huyện có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.* Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 765793, diện tích 7.260m² cấp ngày 07 tháng 11 năm 1991 mang tên cụ Nguyễn Văn Đ, nay đã được chỉnh lý mặt 4 mang ông Nguyễn Văn U vào ngày 22/12/2005. Do đó, cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là di sản của cụ Đ và cụ T, khi giải quyết phân chia toàn bộ phần đất tranh chấp cho các đồng thừa kế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Khi giải quyết vụ việc dân sự Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết”. Vì vậy, cấp sơ thẩm chưa xem xét tính hợp pháp của phần chỉnh lý mặt 4 ngày 22/12/2005 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện C là chưa đúng.

[5] Mặt khác, vào ngày 23/3/2010, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C -Phòng giao dịch G có ký hợp đồng tín dụng số 7302 LAV 201002178 với ông U và bà L để cho ông U và bà L vay số tiền 22.000.000 đồng, mục đích vay là để chăn nuôi, chăm sóc ruộng vườn, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 12% năm. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất của ông U, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A765793, diện tích 7.260 m², cấp ngày 07 tháng 11 năm 1991. Cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L trả nợ vay Ngân hàng mà không buộc Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn U và dành cho ông Nguyễn Văn U một vụ kiện khác là không giải quyết chưa triệt để vụ án và khó khăn cho công tác thi hành án.

[6] Nguồn gốc phần đất tranh chấp là di sản thừa kế do cụ Đ và cụ T để lại, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng Tờ giao kèo và di chúc của cụ Đ lập ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Tờ di chúc của cụ T lập ngày 15 tháng 11 năm 2002 là không hợp pháp, vì nội dung có viết thêm, tẩy xóa, nội dung không rõ ràng và có yêu cầu giám định. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông U cung cấp bản gốc các tờ di chúc để giám định nhưng ông U không cung cấp nên không giám định được. Vì vậy hình thức di chúc không hợp pháp nên cấp sơ thẩm giải quyết phân chia thừa kế theo pháp luật, nhưng ông Nguyễn Văn

U sống chung với cụ Đ và cụ T khi còn sống, khi cụ Đ và cụ T mất thì ông U quản lý và canh tác 02 thửa đất tranh chấp trên, khi giải quyết cần phải xem xét công sức đóng góp, tôn tạo gìn giữ di sản đối với ông U, nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét phần này là còn thiếu sót.

[7] Về việc không tính án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận: Căn cứ vào Điều 25, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch G được chấp nhận một phần, căn cứ vào khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án thì đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng. Cho nên, cấp sơ thẩm không tính án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch G là không đúng theo quy định pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên xét cấp sơ thẩm xét xử có nhiều sai sót không thể khắc phục được. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long và giữ hồ sơ vụ án lại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn U.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Giữ hồ sơ vụ án lại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Văn U số tiền 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Ông U đã nộp 300.000 đồng ngày 22/11/2017 theo lai thu số 0006183 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND HMT: 01b;
- CC THADS HMT: 01b;
- Các đs: 15b;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Minh Tâm